TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

B án số: 70/2022/DSPT
Ngày: 24/01/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đoàn Nam Hà

Ông Nguyễn Hùng Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 05 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do B án dân sự sơ thẩm số 154/2021/DS-ST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4744/2021/QĐ-PT ngày 13/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tiến B**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 11C04 Chung cư AT, đường NQ, phường AHT, quận ST, Tp. ĐN.

- *Bị đơn*: Bà **Võ Thị Thu T**, sinh năm: 1962

Địa chỉ: D6/17 ấp 4, xã BC, huyện BC, Tp. H.

(Bà Võ Thị Thu T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Võ Thị Thu T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, B tự khai và biên B về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn ông Nguyễn Tiến B trình bày:

Ngày 20/10/2015 ông Nguyễn Tiến B có cho bà Võ Thị Thu T mượn số tiền 2.000.000.000 đ (hai tỷ đồng). Khi đó, bà T có lập giấy mượn tiền có nội

dung như sau: *"Tôi là Võ Thị Thu T có mượn của cháu Nguyễn Tiến B số tiền 2.000.000.000 đ (hai tỷ đồng) thời hạn 6 tháng trả".*

Hết thời hạn 6 tháng bà T vẫn không thực hiện trả nợ. Đến ngày 06/11/2019 bà T tiếp tục lập " Giấy cam kết trả nợ" đề nghị gia hạn thời gian đến ngày 10/02/2020 trả dứt điểm số tiền trên cho ông B. Tuy nhiên, mặc dù đã đến hạn thanh toán (ngày 10/02/2020) nhưng bà T vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Ông B đã nhiều lần liên lạc và đề nghị thanh toán nhưng bà T cố ý không thực hiện và có thái độ né tránh không hợp tác.

Nay ông B khởi kiện bà T với nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông B số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) theo phương thức trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông B xác định chỉ yêu cầu bà T trả số tiền trên, không yêu cầu chồng bà T cùng có trách nhiệm trả. Ông B xác định số tiền ông B cho bà T mượn là tài sản riêng của ông, không liên quan tới ai khác.

Theo các B tự khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Võ Thị Thu T trình bày:

Ngày 20/10/2015, bà T có mượn của ông B số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên hiện tại bà T vẫn chưa trả cho ông B số tiền đã mượn. Nay ông B khởi kiện thì ý kiến của bà là bà đồng ý trả cho ông B số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi trả hết nợ. Bà T xác định: số tiền mà bà đã mượn của ông B là nợ riêng của bà T, chồng của bà không có liên quan đến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 154/2021/DS-ST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến B đối với bà Võ Thị Thu T:

Bà Võ Thị Thu T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tiến B số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền theo phương thức trả một lần ngay khi B án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án; phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/4/2021, bà Võ Thị Thu Thủy có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm 154/2021/DS-ST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bà Võ Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, không rút kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị cho bà T được trả dần mỗi tháng 5.000.000

đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ ông Bản thay vì trả hết một lần như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Võ Thị Thu T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

. Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến suốt quá trình phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Võ Thị Thu T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe đương sự trình bày ý kiến, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Thu T làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Võ Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Võ Thị Thu T.

[3] Về nội dung: Với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà bà Võ Thị Thu T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Giấy mượn tiền do bà Võ Thị Thu T lập ngày 20/10/2015 và Giấy cam kết trả nợ do bà Võ Thị Thu T lập ngày 06/11/2019 và lời trình bày của ông Nguyễn Tiến B và bà Võ Thị Thu T tại Tòa án cấp sơ thẩm có cơ sở xác định: Ngày 20/10/2015, bà Võ Thị Thu T đã vay của ông Nguyễn Tiến B số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng nhưng đến nay bà Võ Thị Thu T chưa trả số tiền đã vay cho ông Nguyễn Tiến B.

Bà Võ Thị Thu T kháng cáo: Bà đồng ý trả cho ông Nguyễn Tiến B số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng theo như yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến B nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, do bà lớn tuổi, không có tài sản và nguồn thu nhập nào để trả cùng một lúc cho ông Nguyễn Tiến B số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, nên bà xin được trả cho ông Nguyễn Tiến B theo phương thức trả dần mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi hết số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Tiến B không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Thu T với phương thức trả dần cho ông mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi hết số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng,

ông B cho rằng bà Võ Thị Thu T đã vay của ông số tiền trên đã lâu và gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, nên ông không đồng ý.

Ông Nguyễn Tiến B và bà Trần Vũ Thủy T kết hôn vào năm 2012. Vào ngày 08/6/2016, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 52/2016/QĐST-HNGĐ với nội dung quyết định chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Tiến B và bà Trần Vũ Thủy T. Như vậy, vào ngày 20/10/2015 ông Nguyễn Tiến B cho bà Võ Thị Thu T mượn số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng khi ông Nguyễn Tiến B và bà Trần Vũ Thủy T còn là vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án không đưa bà Trần Vũ Thủy Tiên vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư các là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu xót. Tuy nhiên, tại đơn xin xác nhận ngày 18/01/2022 thể hiện bà Trần Vũ Thủy Tiên xác nhận số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng mà ông Nguyễn Tiến B cho bà Võ Thị Thu T mượn là tài sản riêng của ông Nguyễn Tiến B không liên quan tới bà và bà từ chối không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy bà Trần Vũ Thủy T đã xác nhận số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng mà ông Nguyễn Tiến B cho bà Võ Thị Thu T mượn là tài sản riêng của ông Nguyễn Tiến B không liên quan tới bà nên về nội dung giải quyết vụ án như án sơ thẩm không thay đổi, do đó không cần phải hủy Bản án sơ thẩm, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Xét kháng cáo của bà Võ Thị Thu T: Bà T kháng cáo, nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Tiến B, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Thu T, giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Thu T, giữ nguyên các quyết định của B án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ Thị Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0081424 ngày 27/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 296; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Thu T. Giữ nguyên các quyết định của B án dân sự sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến B đối với bà Võ Thị Thu T:

Bà Võ Thị Thu T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tiến B số tiền 2.000.000.000 đ (hai tỷ đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền theo phương thức trả một lần ngay khi B án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà Võ Thị Thu T không thực hiện việc trả tiền thì ông Nguyễn Tiến B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc bà Võ Thị Thu T thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Kể từ khi ông Nguyễn Tiến B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà bà Võ Thị Thu T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà bà Võ Thị Thu T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Võ Thị Thu T chịu 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Tiến B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đ (ba mươi sáu triệu đồng) mà ông Nguyễn Tiến B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0078861 ngày 11/5/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0081424 ngày 27/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp B án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

B án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- TAND huyện Bình Chánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong